TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-12-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 790/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị L, sinh năm 1989; thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Nam; tạm trú: 28/42 khu phố D, phường E, thành F, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1983; thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Nam; tạm trú: 28/42 khu phố D, phường E, thành F, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Huỳnh Ngọc H có thời gian tìm hiểu một năm thì tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

B, huyện C, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01, ngày 01/3/2010. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ 28/42 khu phố D, phường E, thành F, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H ăn chơi, cờ bạc, cá độ, dẫn đến nợ nần phải về nhà lấy tiền sinh hoạt trong gia đình để trả nợ. Anh H không có trách nhiệm với gia đình, không phụ giúp chị trong việc nuôi dạy con chung và lo kinh tế trong gia đình. Ngoài ra, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Chị L đã cho anh H cơ hội để sửa chữa nhưng anh H không thay đổi, vẫn sống cuộc sống không có trách nhiệm. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu được ly hôn với anh H. Hiện nay chị làm công nhân với mức thu nhập 8.000.000 đồng/tháng.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Ngọc Gia H1, sinh ngày 27/12/2009 và Huỳnh Trần Bảo H2, sinh ngày 21/01/2014. Hiện nay các con đang ở với anh, chị. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo bản tự khai ngày 10/11/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Huỳnh Ngọc H trình bày*:

Thống nhất với lời khai của nguyên đơn về thời gian, điều kiện kết hôn và nơi sinh sống của vợ chồng sau khi kết hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, anh H thừa nhận bản thân có chơi cờ bạc, cá độ với bạn bè. Hiện nay anh làm nghề xây dựng, thu nhập một tháng 15.000.000 đồng, tuy nhiên công việc của anh không ổn định, thu nhập bấp bênh nên thỉnh thoảng anh mới đưa tiền phụ vợ chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình. Anh H xác định vẫn còn tình cảm với chị L nên không đồng ý ly hôn, anh mong muốn chị L cho anh cơ hội để thay đổi bản thân và hứa sẽ bỏ cờ bạc, cá độ, chăm chỉ làm ăn lo cho vợ, con.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Gia H1, sinh ngày 27/12/2009 và Huỳnh Trần Bảo H2, sinh ngày 21/01/2014. Do không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Trường hợp Tòa án cho anh, chị ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/11/2020, cháu Huỳnh Ngọc Gia H1 trình bày:* Hiện tại cháu H1 đang sống cùng với bố và mẹ, nếu bố mẹ ly hôn, cháu H1 có nguyện vọng muốn sống chung cùng bố và mẹ. Quá trình chung sống cháu thấy bố mẹ thường xuyên cãi nhau, to tiếng qua lại.

- Ngày 10/11/2020, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Trần Thị L và anh Huỳnh Ngọc H tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường An Bình và được cung cấp như sau: Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án chị Trần Thị L không có đơn yêu cầu Hội Liên hiệp phụ nữ phường An Bình tiến hành hòa giải. Đồng thời, Hội Liên hiệp phụ nữ phường An Bình cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh, chị, do đó không biết rõ giữa hai anh, chị có mâu thuẫn như thế nào, vấn đề con chung, công việc và thu nhập Hội Liên hiệp phụ nữ phường An Bình cũng không biết nên không cung cấp được thông tin cho Tòa án.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Huỳnh Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01, ngày 01/3/2010 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Chị L xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc, vui vẻ được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H ăn chơi, cờ bạc, cá độ, dẫn đến nợ nần, sống không có trách nhiệm, không phụ chị chăm sóc, nuôi dạy con. Ngoài ra, anh H không phụ chị về kinh tế mà còn lấy tiền của gia đình để trả nợ, từ đó hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Bản thân anh H cũng thừa nhận anh có chơi cờ bạc, cá độ, đồng thời do công việc không ổn định, thu nhập bấp bênh nên ít khi phụ giúp chị L về kinh tế để chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Thực tế, anh H không có sự quan tâm, chia sẻ với chị L trong cuộc sống hôn nhân như chăm sóc, nuôi dạy con, vấn đề về kinh tế trong gia đình. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị L và anh H là có thật, điều này được thể hiện qua lời khai của cháu H1 về việc chị L và anh H thường xuyên cãi nhau, to

tiếng qua lại. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh H có hai con chung tên Huỳnh Ngọc Gia H1, sinh ngày 27/12/2009 và Huỳnh Trần Bảo H2, sinh ngày 21/01/2014. Cả hai anh, chị đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho chị L hay anh H nuôi dưỡng còn phải xem xét đến khả năng, điều kiện kinh tế của các bên và quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên. Bản thân anh H thừa nhận công việc và thu nhập của anh không ổn định, thường xuyên đi làm xa trong khi đó chị L có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đồng thời cháu H1 và cháu H2 còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, nên Hội đồng xét thấy cần giao hai con chung Huỳnh Ngọc Gia H1 và Huỳnh Trần Bảo H2 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nghĩa vụ nuôi con là của cả cha lẫn mẹ, khi ly hôn, người không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L có yêu cầu anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000 đồng/02 con/tháng. Sau khi xem xét thu nhập, khả năng thực tế của anh H và nhu cầu thiết yếu của con chung ở độ tuổi chưa thành niên. Xét thấy, chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con chung với số tiền 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn, anh Huỳnh Ngọc H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Huỳnh Ngọc H.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc H [Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 01/3/2010].

1.2 Về con chung: Anh Huỳnh Ngọc H giao hai con chung tên Huỳnh Ngọc Gia H1, sinh ngày 27/12/2009 và Huỳnh Trần Bảo H2, sinh ngày 21/01/2014 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Trần Thị L và anh Huỳnh Ngọc H có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền được cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3 Về cấp dưỡng: Anh Huỳnh Ngọc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng/02 con/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Huỳnh Ngọc Gia H1 và Huỳnh Trần Bảo H2 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.4 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0048625 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Huỳnh Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương